

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN 3.9
06 Hùng Vương, TP Nha Trang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
-----o0o-----

Số: QĐ/CPXLĐ3.9/HĐQT

Nha Trang , ngày 01/03/2005

QUYẾT ĐỊNH

CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN 3.9 VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 1999;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần xây lắp điện 3.9;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - kế toán công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần xây lắp điện 3.9. Quy chế gồm 3 chương và 36 điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các quy định trước đây về quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với Công ty xây lắp điện 3.9 và các văn bản liên quan khác trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Giám đốc Công ty và Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Các Trưởng phòng nghiệp vụ, các Đội trưởng thi công, Giám đốc Khách sạn Xanh Nha Trang và các cán bộ, nhân viên có liên quan với công tác tài chính – kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**QUY CHẾ
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN 3.9**

(Ban hành kèm theo Quyết định sốQĐ/CPXLD3.9/HĐQT
ngày 01 tháng 03 năm 2005 của Chủ tịch Hội đồng quản trị)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy chế quản lý tài chính áp này được dụng trong Công ty Cổ phần xây lắp điện 3.9.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. "Vốn điều lệ" là vốn do các cổ đông đóng góp thông qua việc mua cổ phần của Công ty và được ghi tại Điều lệ của Công ty.

2. "Tài sản của công ty" bao gồm: tài sản cố định (tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn); tài sản lưu động (tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản lưu động khác và chi sự nghiệp) mà Công ty có quyền chiếm hữu sử dụng và định đoạt theo quy định của pháp luật.

3. "Vốn huy động của công ty" là số vốn Công ty huy động theo các hình thức: phát hành trái phiếu, vay của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các hình thức huy động khác mà pháp luật không cấm.

4. "Bảo toàn vốn tại công ty" là việc giữ nguyên, không để thâm hụt số vốn do các cổ đông đóng góp trong suốt quá trình kinh doanh.

5. Ban quản lý điều hành Công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban giám đốc (Giám đốc và các Phó giám đốc) và Kế toán trưởng.

6. "Doanh nghiệp khác" là doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật Hợp tác xã.

7. "Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác" là người được Hội đồng quản trị cử để ứng cử hoặc tham gia vào Ban quản lý điều hành doanh nghiệp khác có vốn góp của công ty.

8. Vốn của các cổ đông tại một thời điểm: Được xác định bằng nguồn vốn chủ sở hữu trừ số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và vốn nhận liên doanh tại thời điểm đó;

9. Cổ phiếu quỹ: Là cổ phiếu của chính Công ty đã phát hành và được Công ty mua lại bằng nguồn vốn hợp pháp theo quy định của Thông tư 19/2003/TT-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2003 của Bộ Tài chính.

10. Người quản lý doanh nghiệp: Là những đối tượng được quy định tại khoản 12 Điều 3 Luật Doanh nghiệp.

11. Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần: Là trái phiếu do Công ty phát hành được chuyển thành vốn góp cổ phần trong Công ty theo các điều kiện và thời gian quy định trong phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

12. Trả cổ tức bằng cổ phiếu: Là việc Công ty cổ phần sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế được tích lũy (bao hàm cả nguồn ưu đãi miễn, giảm thuế của nhà nước) để bổ sung tăng vốn điều lệ, đồng thời tăng thêm cổ phần cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông trong doanh nghiệp.

Điều 3. Vốn Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác

Vốn Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác bao gồm:

1. Vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, giá trị những tài sản khác của Công ty được Công ty đầu tư hoặc góp vốn vào Công ty khác;
2. Giá trị cổ phần tại các doanh nghiệp khác
3. Lợi tức và các khoản được chia khỏc do Công ty đầu tư góp vốn vào doanh nghiệp khác dùng để tái đầu tư tại các doanh nghiệp này;
4. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cử người đại diện vốn Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Công ty thực hiện quản lý vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác thông qua việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông và cử người đại diện phần vốn Công ty tại doanh nghiệp khác.

2. Đối với trường hợp Công ty nắm ít cổ phần hoặc vốn góp tại doanh nghiệp khác thì Công ty không cử người đại diện phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác. Trường hợp này Công ty sẽ tổ chức theo dõi số vốn đã đầu tư và số lợi tức được chia từ phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp này và phân công người thực hiện các quyền của cổ đông, người góp vốn theo quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp khác.

CHƯƠNG II QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

MỤC 1 QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY

Điều 5. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty được ghi trong Điều lệ của công ty cổ phần xây lắp điện 3.9.

Các cổ đông đã đăng ký mua cổ phần của Công ty có trách nhiệm góp đủ số vốn đã đăng ký mua. Quá thời hạn quy định, Công ty sẽ thu hồi cổ phần để bán lại theo các nội dung đã biểu quyết tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông đã thông qua hoặc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để quyết định điều chỉnh giảm vốn điều lệ của công ty;

2. Điều chỉnh tăng vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần được điều chỉnh tăng trong các trường hợp sau:

a. Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp cơ cấu lại nợ của doanh nghiệp theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp cổ phần theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp và các chủ nợ.

b. Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần: Việc tăng vốn điều lệ chỉ được thực hiện khi đã đảm bảo đủ các điều kiện để trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần theo Quy định của pháp luật và phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi.

c. Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu.

d. Phát hành cổ phiếu mới để thực hiện sáp nhập một bộ phận hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác vào công ty.

đ. Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ.

3. Điều chỉnh giảm vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh giảm trong các trường hợp sau:

3.1 Giảm vốn điều lệ khi nhu cầu về vốn của Công ty giảm do Công ty thay đổi ngành nghề kinh doanh, tổ chức lại với quy mô nhỏ hơn trước hoặc bị buộc phải huỷ bỏ cổ phiếu quỹ.

Việc điều chỉnh giảm vốn điều lệ và thanh toán tiền cho các cổ đông thực hiện theo các hình thức sau:

a. Công ty mua và huỷ bỏ một số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm theo phương án được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua hoặc huỷ bỏ số lượng cổ phiếu quỹ buộc phải huỷ. Theo hình thức này thì Công ty không phải trả lại tiền cho các cổ đông.

b. Công ty thu hồi và huỷ bỏ một số cổ phiếu của các cổ đông với tổng mệnh giá tương ứng với số vốn điều lệ giảm. Theo hình thức này thì:

- Mỗi cổ đông trong Công ty bị thu hồi một số lượng cổ phần theo tỷ lệ giữa số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm với tổng mức vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm trước khi điều chỉnh.

$$\begin{array}{ccc} \text{Số lượng cổ phần} & & \text{Số lượng cổ phần} \\ \text{thu} & = & \text{cổ} \\ \text{Hồi của từng cổ} & & \text{đông đó đang sở} \\ \text{đông} & & \text{hữu} \end{array} \times \frac{\text{Số vốn dự kiến giảm}}{\text{Vốn điều lệ của công ty}}$$

- Công ty phải trả cho các cổ đông một khoản tiền tính theo công thức sau:

Số tiền phải trả cho từng cổ đông (=) Số lượng cổ phần thu hồi của từng cổ đông (X) Mệnh giá cổ phần.

c. Điều chỉnh giảm mệnh giá cổ phần mà không làm thay đổi số lượng cổ phần. Theo hình thức này, Công ty thu hồi cổ phiếu của các cổ đông và phát lại cổ phiếu mới với mệnh giá đã được điều chỉnh giảm. Công ty phải trả cho các cổ đông một khoản tiền theo công thức sau:

Số tiền phải trả cho từng cổ đông (=) Số lượng cổ phần của từng cổ đông (X) Chênh lệch giữa mệnh giá cũ và mệnh giá mới.

d. Hình thức kết hợp:

Căn cứ vào tình hình cụ thể, Công ty cổ phần có thể kết hợp áp dụng các hình thức nêu trên để thực hiện điều chỉnh giảm vốn điều lệ.

3.2. Giảm vốn điều lệ khi Công ty kinh doanh thua lỗ 3 năm liên tiếp và có số lỗ lũy kế bằng 50% vốn của các cổ đông trở lên nhưng chưa mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Hình thức giảm vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại tiết b hoặc tiết c điểm 1 mục B phần II Thông tư 19/2003/TT-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2003 của Bộ Tài chính, Công ty không thanh toán lại tiền cho cổ đông.

3.3. Giảm vốn điều lệ như quy định tại điểm 1 của Điều này.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Công ty trong việc sử dụng vốn và quỹ do Công ty quản lý

1. Công ty được quyền chủ động sử dụng số vốn do cổ đông đóng góp, các loại vốn khác, các quỹ do Công ty quản lý vào hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty chịu trách nhiệm trước toàn thể các cổ đông về bảo toàn, phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn; đảm bảo quyền lợi của những người có liên quan đến Công ty như các chủ nợ, khách hàng, người lao động theo các hợp đồng đã giao kết.

2. - Công ty được quyền quyết định phân phối và sử dụng lợi nhuận còn lại sau khi đã làm nghĩa vụ đối với nhà nước phù hợp với quy định của Pháp luật và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp Công ty sử dụng các quỹ do Công ty quản lý khác với mục đích sử dụng quỹ đã quy định thì Công ty phải đảm bảo đủ nguồn để đáp ứng nhu cầu chi của các quỹ đó khi có nhu cầu sử dụng. Việc sử dụng vốn, quỹ để đầu tư xây dựng phải theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 7. Huy động vốn

Công ty được quyền huy động vốn để kinh doanh dưới hình thức phát hành trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu công ty; vay vốn của tổ chức ngân hàng, tín dụng và các tổ chức tài chính khác, của cá nhân, tổ chức ngoài công ty; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

Việc huy động vốn để kinh doanh thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn huy động, không được làm thay đổi hình thức sở hữu công ty.

Việc huy động vốn của các cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý vay nợ nước ngoài.

Thẩm quyền phê duyệt hợp đồng vay vốn được thực hiện như sau:

1. Hội đồng quản trị quyết định hợp đồng vay vốn có giá trị lớn hơn vốn điều lệ của Công ty.

2. Các hợp đồng vay vốn khác có giá trị bằng hoặc thấp hơn vốn điều lệ do Giám đốc Công ty quyết định.

Điều 8. Quản lý các khoản nợ phải trả

Đối với các khoản nợ phải trả, Công ty có trách nhiệm:

1. Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả;

2. Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của công ty, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời không để phát sinh các khoản nợ quá hạn;

3. Đối với các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ Công ty phải hạch toán toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh của số dư nợ phải trả vào chi phí kinh doanh trong kỳ để tạo nguồn trả nợ. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ phải trả trong năm đó.

Điều 9. Bảo toàn vốn tại Công ty

Công ty có trách nhiệm bảo toàn vốn tại Công ty bằng các biện pháp sau đây:

1. Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, theo quy định của Nhà nước;
2. Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật ;
3. Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất theo quy định và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây:
 - a) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
 - b) Dự phòng các khoản phải thu khó đòi;
 - c) Dự phòng các khoản giảm giá các khoản đầu tư dài hạn;
 - d) Dự phòng trợ cấp mất việc làm, thôi việc.
4. Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật.
5. Việc trích lập , sử dụng các khoản dự phòng này và phương pháp xác định mức độ bảo toàn vốn theo quy định của Bộ Tài chính.

Giám đốc và Kế toán trưởng phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

Điều 10. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty

1. Công ty được quyền sử dụng vốn, tài sản thuộc quyền của Công ty để đầu tư ra ngoài công ty. Việc đầu tư ra ngoài Công ty có liên quan đến đất đai phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai.

Việc đầu tư ra ngoài Công ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập và không làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của công ty.

2. Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty:

a) Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty liên doanh, Công ty hợp danh; góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới;

b) Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi;

c) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư ra ngoài Công ty:

Đại hội đồng cổ đông quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính của Công ty được công bố tại quý gần nhất; Hội đồng quản trị quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị dưới mức quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Công ty không được đầu tư hoặc góp vốn với các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp này là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng Công ty đó.

MỤC 2 QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN TẠI CÔNG TY

Điều 11. Tài sản cố định - đầu tư tài sản cố định

1. Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình và vô hình. Tiêu chuẩn xác định tài sản cố định theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng thực hiện theo quy định dưới đây:

Hội đồng quản trị quyết định các dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính của Công ty được công bố tại quý gần nhất.

Hội đồng quản trị quyết định phân cấp cho Giám đốc Công ty quyết định các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

Các dự án lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng quản trị thì do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Trình tự, thủ tục đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

Điều 12. Khấu hao tài sản cố định

Tất cả tài sản cố định hiện có của Công ty đều phải trích khấu hao, gồm cả tài sản cố định không cần dùng, chờ thanh lý, trừ những tài sản cố định thuộc công trình phúc lợi công cộng, nhà ở. Tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì không phải trích khấu hao nữa.

Giám đốc Công ty quyết định mức trích khấu hao cụ thể nhưng không được thấp hơn mức quy định của Bộ Tài chính.

Điều 13. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

1. Công ty được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn, và phát triển vốn theo quy định của pháp luật.

a) Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản có giá trị lớn hơn mức vốn Điều lệ của công ty. Các hợp đồng có mức thấp hơn do Giám đốc Công ty quyết định;

b) Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản của Công ty để thế chấp, cầm cố để vay vốn thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

2. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Dân sự các quy định khác của Nhà nước.

Điều 14. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn

1. Công ty được quyền chủ động và có trách nhiệm nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được; các khoản đầu tư dài hạn không có nhu cầu tiếp tục đầu tư để thu hồi vốn.

2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản đầu tư dài hạn:

Hội đồng quản trị quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư dài hạn, tài sản cố định có giá trị còn lại nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính của Công ty được công bố tại quý gần nhất. Hội đồng quản trị được quyết định uỷ quyền hoặc phân cấp cho Giám đốc Công ty quyết định nhượng bán tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

Các phương án lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

3. Việc nhượng bán tài sản được thực hiện thông qua tổ chức bán đấu giá hoặc do Công ty tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy

định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Trường hợp giá trị tài sản nhượng bán nhỏ sẽ do Giám đốc quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường.

Điều 15. Quản lý hàng hoá tồn kho

1. Hàng hoá tồn kho là hàng hoá mua về để bán hoặc để đưa vào xây lắp các công trình còn tồn kho, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang đang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán, khối lượng công trình đã hoàn thành bàn giao nhưng chưa quyết toán.

2. Công ty có quyền và chịu trách nhiệm xử lý ngay những hàng hoá tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn.

3. Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thu hồi được thì Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Điều 16. Quản lý các khoản nợ phải thu

Trách nhiệm của Công ty trong quản lý nợ phải thu là:

1. Xây dựng và ban hành quy chế quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ, đảm bảo nguyên tắc không để vốn của đơn vị bị chiếm dụng và kê khai kịp thời thuế GTGT cho Cục thuế;

2. Phòng Tài chính kế toán phải mở sổ theo dõi các khoản nợ phải thu theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), đôn đốc thu hồi nợ;

Phòng Tài chính - kế toán công ty phải cử cán bộ phụ trách công nợ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ và báo cáo kịp thời các khoản nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi lên Giám đốc công ty và đề xuất phương án thu hồi nợ;

Đối với công nợ tạm ứng cá nhân là người lao động trong Công ty

- Nguyên tắc quản lý công nợ tạm ứng cá nhân là căn cứ vào cam kết thời gian hoàn trả chứng từ hoàn ứng và tiền tạm ứng còn thừa (nếu có) mà người lao động đã ghi trên phiếu xin tạm ứng. Nếu cá nhân nào cố tình dấy dựa thanh toán chậm công nợ vượt quá thời gian đã cam kết thì Phòng Tài chính kế toán đưa khoản nợ này vào khoản nợ quá hạn và sẽ thu nợ hết vào các khoản thu nhập của cá nhân đó, nếu khoản nợ phải thu lớn hơn thu nhập thì chỉ để lại một khoản tiền vừa đủ cho cá nhân đó trả sinh hoạt phí trong tháng.

- Trường hợp bất khả kháng không hoàn nợ kịp phải có lý do chính đáng và phải được Giám đốc và Kế toán trưởng công ty có ý kiến cho gia hạn.

3. Công ty được quyền bán các khoản nợ phải thu theo quy định của pháp luật, gồm cả nợ phải thu trong hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được để thu hồi vốn. Giá bán các khoản nợ theo giá thoả thuận.

4. Nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ quá hạn thanh toán theo quy định ghi trên hợp đồng hoặc các cam kết khác hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ khó có khả năng thanh toán. Công ty phải trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Nợ phải thu không có khả năng thu hồi, Công ty có trách nhiệm xử lý. Số nợ không có khả năng thu hồi được sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính. Nếu còn thiếu, thì hạch toán vào chi phí kinh doanh của công ty.

Nợ không có khả năng thu hồi sau khi xử lý như trên, Công ty vẫn phải theo dõi trên tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán và tổ chức thu hồi. Số tiền thu hồi được hạch toán vào thu nhập của Công ty.

Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được. Nếu không xử lý kịp thời các khoản nợ không thu hồi được theo quy định tại khoản này thì Hội đồng quản trị, Giám đốc chịu trách nhiệm như báo cáo không trung thực tình hình tài chính của công ty. Nếu vì không xử lý kịp thời dẫn đến thất thoát vốn của Công ty thì phải chịu trách nhiệm trước các cổ đông.

Điều 17. Kiểm kê tài sản

Công ty phải tổ chức kiểm kê, xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu khi khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm; khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu; sau khi xảy ra thiên tai, địch hoạ; hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của công ty; hoặc theo chủ trương của Nhà nước. Đối với tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

Điều 18. Xử lý tổn thất tài sản

Tổn thất về tài sản là tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. Công ty phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

1. Nếu nguyên nhân do chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường. Hội đồng quản trị quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.
2. Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.
3. Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của công ty. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.
4. Những trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, Công ty không thể tự khắc phục được thì Hội đồng quản trị lập phương án xử lý tổn thất trình Đại hội đồng cổ đông và cơ quan tài chính có thẩm quyền. Sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính, Đại hội đồng cổ đông quyết định việc xử lý tổn thất theo thẩm quyền.
5. Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính doanh nghiệp.

Điều 19. Đánh giá lại tài sản

1. Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:
 - a) Theo Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - b) Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài công ty.
2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

MỤC 3 DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Điều 20. Quản lý doanh thu

1. Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ hoạt động kinh doanh và thu nhập khác.
2. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh gồm doanh thu hoạt động kinh doanh thông thường và doanh thu hoạt động tài chính:

a) Doanh thu hoạt động kinh doanh thông thường là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hóa xây lắp, sản phẩm hàng hóa sản xuất công nghiệp, cung cấp dịch vụ của công ty.

b) Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm: các khoản thu phát sinh từ tiền bán quyền, cho các bên khác sử dụng tài sản của công ty, tiền lãi từ việc cho vay vốn, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi cho thuê tài chính; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn và lợi nhuận được chia từ việc đầu tư ra ngoài Công ty.

c) Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ cho nên doanh thu là số tiền phải thu từ các hoạt động không bao gồm thuế GTGT đầu ra.

3. Thu nhập khác gồm các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền bảo hiểm được bồi thường các khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng và các khoản thu khác.

4. Điều kiện và thời điểm để xác định doanh thu :

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi hàng hóa dịch vụ khác thì doanh thu tính theo giá bán của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương thời điểm trao đổi.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ Công ty sản xuất ra dùng để biếu tặng, hoặc tiêu dùng cho sản xuất trong nội bộ Công ty thì doanh thu tính theo giá thành sản xuất (giá vốn) sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đó.

- Đối với hoạt động cho thuê tài sản có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu của từng năm là tổng số tiền cho thuê chia cho số năm cho thuê tài sản.

- Đối với hoạt động gia công thì doanh thu tính theo giá gia công ghi trên hoá đơn của khối lượng sản phẩm gia công hoàn thành trong kỳ.

- Đối với sản phẩm xây lắp thi công trong nhiều năm thì doanh thu một năm là giá trị phải thu tương ứng với giá trị khối lượng công việc, hạng mục, công trình xây lắp hoàn thành trong năm đó được người giao thầu chấp nhận thanh toán. Trường hợp Công ty giao thầu lại cho nhà thầu phụ thì doanh thu bao gồm cả phần giá trị xây lắp của nhà thầu phụ.

- Thời điểm hạch toán doanh thu là khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ hoàn thành theo hợp đồng và được người mua chấp nhận thanh toán không phụ thuộc tiền đã thu hay chưa thu được.

- Nếu có phát sinh doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu.

- Toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ phải có các hóa đơn, chứng từ hợp lệ chứng minh và phản ánh đầy đủ vào sổ kế toán của đơn vị theo chế độ hiện hành.

Điều 21. Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính, bao gồm:

1. Chi phí sản xuất kinh doanh:

a) Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế), chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

+ Các loại vật tư sử dụng vào sản xuất kinh doanh phải được quản lý chặt chẽ theo các định mức tiêu hao do các cấp có thẩm quyền ban hành và căn cứ vào hiện trạng thiết bị, máy móc của Công ty ban hành đầy đủ các định mức tiêu hao để làm căn cứ xác định chi phí chính xác. Có biện pháp quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua, dự trữ, cấp phát đến thanh quyết toán.

+ Giá vật tư dùng để hạch toán và xác định chi phí vật tư là giá thực tế bao gồm giá mua ghi trên hoá đơn của người bán hàng, chi phí vận chuyển, phí bốc xếp, phí bảo quản, phí hao hụt hợp lý trên đường đi, phí bảo hiểm, tiền thuê kho bãi, phí gia công trước khi nhập kho, phí chọn lọc tái chế ...

+ Giá vật tư thuê ngoài gia công chế biến gồm giá vật tư thực tế xuất kho đem đi gia công cộng với chi phí gia công như chi phí vận chuyển, bốc xếp, phí bảo hiểm và tiền trả cho người gia công.

+ Đối với công cụ, dụng cụ sử dụng cho quá trình kinh doanh như giàn giáo, ván khuôn.... căn cứ vào thời gian sử dụng và giá trị công cụ, dụng cụ để phân bổ dần vào các khoản mục chi phí kinh doanh trong kỳ theo tiêu thức phù hợp.

Giá trị vật tư tiêu hao thực tế được hạch toán vào chi phí vật tư sau khi trừ đi tiền đền bù của các cá nhân hoặc tập thể gây ra tiêu hao vật tư vượt định mức, trị giá phế liệu thu hồi (nếu có) và số tiền giảm giá hàng mua (nếu có).

b) Chi phí khấu hao tài sản cố định tính theo quy định của Bộ Tài chính.

c) Chi phí tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động do Hội đồng quản trị quyết định theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Tiền lương phải được quản lý chặt chẽ và chi đúng mục đích, gắn với kết quả sản xuất kinh doanh trên cơ sở các định mức lao động và đơn giá tiền lương hợp lý. Việc xác định quỹ tiền lương và phân phối quỹ lương thực hiện

theo Quy chế trả lương đã được Hội đồng quản trị Công ty ban hành sau khi trình qua Đại hội đồng cổ đông.

d) Kinh phí bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế cho người lao động mà Công ty phải nộp theo quy định.

đ) Chi phí giao dịch, môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội họp tính theo chi phí thực tế phát sinh.

e) Chi phí bằng tiền khác gồm:

+ Các khoản thuế tài nguyên, thuế đất, thuế môn bài;

+ Tiền thuê đất;

+ Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động;

+ Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề của người lao động;

+ Chi cho công tác y tế; chi nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ;

+ Thưởng sáng kiến cải tiến, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Mức thưởng do Giám đốc Công ty quyết định căn cứ vào hiệu quả công việc mang lại nhưng không được cao hơn số tiết kiệm chi phí do công việc đó mang lại trong 01 năm;

+ Chi phí cho lao động nữ;

+ Chi phí cho công tác bảo vệ môi trường;

+ Chi phí tiền ăn giữa ca phải chi cho người lao động tham gia vào hoạt động kinh doanh của Công ty (tùy theo một số công trình trọng điểm) theo quy định hiện hành. Nếu chi cao hơn mức nhà nước quy định thì phần cao hơn được lấy từ Quỹ phúc lợi của Công ty;

+ Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại Công ty (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định);

+ Các khoản chi phí bằng tiền khác;

g) Giá trị tài sản tổn thất thực tế, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo quy định;

h) Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng trợ cấp mất việc làm, thôi việc, trích lập theo quy định tại Quy chế này, chênh lệch tỷ giá theo số dư khoản nợ vay dài hạn bằng ngoại tệ, chi phí trích trước bảo hành sản phẩm, các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật;

i) Chi phí hoạt động tài chính, bao gồm: các khoản chi liên quan đến đầu tư ra ngoài công ty, tiền lãi phải trả do huy động vốn, chênh lệch tỷ giá khi thanh

toán, chi phí chiết khấu thanh toán, chi phí cho thuê tài sản, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

2. Chi phí khác, bao gồm:

a) Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán;

b) Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xoá sổ kế toán;

c) Chi phí để thu tiền phạt;

d) Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng;

đ) Các chi phí khác.

3. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh .

Căn cứ theo Thông tư hướng dẫn số 128/2003/TT-BTC quy định chi tiết thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 22/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính các khoản chi sau đây không được tính vào chi phí hợp lý hợp lệ:

+ Tiền lương, tiền công do cơ sở kinh doanh không thực hiện đúng chế độ hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động, trừ trường hợp thuê mướn lao động theo vụ việc.

+ Thù lao trả cho thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất kinh doanh của đơn vị.

+ Các khoản trích trước vào chi phí mà thực tế không chi hết như : chi phí sửa chữa tài sản cố định, phí bảo hành sản phẩm hàng hoá, công trình xây dựng và các khoản trích trước khác.

+ Các khoản chi không có hoá đơn, chứng từ theo chế độ quy định hoặc chứng từ không hợp pháp.

+ Các khoản tiền phạt vi phạm luật giao thông, phạt vi phạm chế độ đăng ký kinh doanh, phạt vay nợ quá hạn, phạt vi phạm chế độ kế toán thống kê, phạt vi phạm hành chính về thuế và các khoản phạt khác.

+ Các khoản chi không liên quan đến doanh thu và thu thập chịu thuế như : chi về đầu tư xây dựng cơ bản; chi ủng hộ các đoàn thể, tổ chức xã hội và ủng hộ địa phương; chi từ thiện và các khoản chi khác không liên quan đến doanh thu, thu nhập chịu thuế.

+ Các khoản chi do nguồn kinh phí khác đài thọ:

- Chi sự nghiệp.
- Chi ốm đau thai sản.
- Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, khó khăn đột xuất.
- Các khoản chi khác do nguồn kinh phí khác đài thọ.

+ Chi phí không hợp lý khác.

Điều 22. Quản lý chi phí

Công ty phải quản lý chặt chẽ các khoản chi phí để giảm chi phí và giá thành sản phẩm nhằm tăng lợi nhuận bằng các biện pháp quản lý sau đây:

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, ngành, nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị của công ty. Các định mức phải được phổ biến đến tận người thực hiện, công bố công khai cho người lao động trong Công ty biết để thực hiện và kiểm tra, giám sát. Trường hợp không thực hiện được các định mức, làm tăng chi phí phải phân tích rõ nguyên nhân, trách nhiệm để xử lý theo quy định của pháp luật. Nếu do nguyên nhân chủ quan phải bồi thường thiệt hại. Thẩm quyền quyết định mức bồi thường theo quy định tại Quy chế này.

2. Phải định kỳ tổ chức phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm của Công ty nhằm phát hiện những khâu yếu, kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành sản phẩm để có giải pháp khắc phục kịp thời.

Điều 23. Giá thành sản phẩm, chi phí dịch vụ tiêu thụ

1. Tổng giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trong kỳ bao gồm: giá thành sản phẩm, hàng hoá xuất tiêu thụ trong kỳ (hoặc giá vốn hàng hoá bán ra); chi phí quản lý Công ty phát sinh trong kỳ; chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ.

2. Chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ gồm chi phí dịch vụ phát sinh trong kỳ, chi phí quản lý Công ty phát sinh trong kỳ, chi phí bán hàng, dịch vụ phát sinh trong kỳ.

3. Nguyên tắc và phương pháp xác định giá thành sản phẩm, dịch vụ theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 24. Lợi nhuận thực hiện

1. Lợi nhuận thực hiện trong năm của Công ty là tổng của lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác.

2. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh bao gồm:

a) Chênh lệch giữa doanh thu từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ với tổng giá thành toàn bộ sản phẩm, hàng hoá tiêu thụ hoặc chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ;

b) Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

3. Lợi nhuận hoạt động khác là chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động khác với chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

MỤC 4

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 25. Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận thực hiện của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

a) Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có);

b) Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế;

c) Trích 5% bổ sung vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 10% vốn điều lệ thì không trích nữa;

2. Các quỹ khác do HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cụ thể cho từng năm.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông Quyết định cho từng năm.

Vốn do Công ty tự huy động là số tiền Công ty huy động do phát hành trái phiếu, tín phiếu, vay của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trên cơ sở Công ty tự chịu trách nhiệm hoàn trả cả gốc và lãi cho người cho vay theo cam kết, trừ các khoản vay có bảo lãnh của Chính phủ, Bộ Tài chính, các khoản vay được hỗ trợ lãi suất.

4. Lợi nhuận được chia theo vốn tự huy động được phân phối như sau:

a) Trích tối thiểu 30% vào quỹ đầu tư phát triển của công ty;

b) Trích tối đa 5% lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty. Mức trích một năm không vượt quá 100 triệu đồng với điều kiện tỷ suất lợi nhuận thực hiện trước thuế trên vốn chủ tại Công ty phải bằng hoặc lớn hơn tỷ suất lợi nhuận kế hoạch;

c) Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ trích cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành Công ty.

d) Số lợi nhuận còn lại được phân phối vào quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty. Mức trích vào mỗi quỹ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Ban Chấp hành Công đoàn công ty.

Điều 26. Mục đích sử dụng các quỹ

1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

a) Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;

b) Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ cho công ty.

3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

a) Thưởng cuối năm hoặc thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty;

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty;

c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

Mức thưởng theo quy định tại điểm a, b, c khoản này do Giám đốc quyết định. Riêng điểm a cần có ý kiến của Công đoàn Công ty trước khi quyết định.

4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của công ty;

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên công ty, phúc lợi xã hội;

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của công đoàn công ty.

5. Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty được sử dụng để thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc công ty. Mức thưởng do Đại hội đồng cổ đông quyết định gắn với hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Việc sử dụng các quỹ nói trên phải thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

7. Công ty chỉ được chi các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty sau khi thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

MỤC 5

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN

Điều 27. Kế hoạch tài chính

Căn cứ vào chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Công ty xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm phù hợp với kế hoạch kinh doanh của công ty.

Hội đồng quản trị quyết định kế hoạch tài chính của Công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông làm căn cứ giám sát và đánh giá kết quả quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty.

Điều 28. Báo cáo tài chính

Cuối kỳ kế toán (quý, năm), Công ty phải lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Bao gồm:

- Công ty xây lắp điện 3;
- Chi Cục thuế;
- Cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Cục Thống kê

và đảm bảo đúng và đầy đủ các loại mẫu biểu theo Quy định.

Năm tài chính được xác định bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 của năm Dương lịch.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Công ty thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật.

2. Công ty phải tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

3. Công ty chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan tài chính có thẩm quyền đối với công tác tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

MỤC 6
QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC
TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY

Điều 29. Quyền hạn của Hội đồng quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản lý công ty, trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của công ty.

2. Nhận và chịu trách nhiệm bảo toàn, phát triển vốn. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động kinh doanh của công ty, đảm bảo thực hiện mục tiêu của Công ty. Đề nghị với Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh tăng hoặc giảm vốn điều lệ của công ty.

3. Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án đầu tư và xây dựng, đầu tư ra ngoài công ty, hợp đồng nhượng, bán tài sản vượt mức phân cấp cho Hội đồng quản trị; quyết định tỷ lệ trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng cho Ban quản lý điều hành trong số lãi từ vốn do Công ty huy động được; quyết định phương án huy động vốn dẫn đến thay đổi sở hữu công ty.

4. Quyết định theo thẩm quyền các vấn đề sau đây:

Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau đây:

a) Ban hành quy chế nội bộ về định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, năng suất lao động, các định mức chi phí tài chính và các định mức khác;

b) Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm của công ty;

c) Cử người đại diện phần vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác.

5. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty, trình phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế cho Đại hội đồng cổ đông, xử lý các khoản lỗ; thực hiện việc công bố, công khai các báo cáo tài chính hàng năm theo quy định.

6. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

7. Quyết định các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nghĩa vụ được giao vì lợi ích của Nhà nước và của công ty;

b) Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của Công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không được đem cho, tặng tài sản của Công ty cho bất kỳ đối tượng nào;

c) Hàng năm phải báo cáo về kết quả quản lý, giám sát hoạt động của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị vi phạm điều lệ công ty, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty và Nhà nước thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty. Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định mức bồi thường.

3. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:

a) Báo cáo không trung thực tình hình tài chính Công ty từ hai lần trở lên hoặc một lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của công ty;

b) Để Công ty thua lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng giữa hai năm lỗ có một năm lãi hoặc hoà vốn, trừ các trường hợp: lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ được Đại hội đồng cổ đông quyết định; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ có lý do khách quan được giải trình và đã được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận; những năm mới hoạt động sau khi đầu tư mới, đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ mà trong báo cáo khả thi xác định bị lỗ;

c) Không ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức lao động, năng suất lao động, định mức chi phí tài chính và chi phí khác; không đôn đốc Giám đốc Công ty phổ biến và tổ chức thực hiện các định mức đã ban hành; không tổ chức đánh giá, điều chỉnh các định mức cho phù hợp với thực tế và yêu cầu quản lý.

4. Trường hợp để Công ty thua lỗ hoặc tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ năm sau thấp hơn năm trước hoặc không đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông giao, không đảm bảo tiền lương tối thiểu cho người lao động thì bị hạ tiền lương, không được thưởng.

5. Bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm đối với các hành vi:

a) Vi phạm chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và chế độ khác chưa đến mức độ truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Quyết định các dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn, không trả được nợ vay.

6. Trường hợp Công ty lâm vào tình trạng phá sản mà Hội đồng quản trị không yêu cầu Giám đốc nộp đơn yêu cầu phá sản, Công ty thuộc diện tổ chức

lại, chuyển đổi sở hữu mà Hội đồng quản trị không yêu cầu Giám đốc tiến hành các thủ tục để tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu thì Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm.

7. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Quyền hạn của Giám đốc Công ty

1. Là đại diện pháp nhân của Công ty, có quyền điều hành cao nhất trong việc thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động kinh doanh để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do Hội đồng quản trị quy định. Đề nghị với Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh tăng hoặc giảm vốn điều lệ của Công ty.

2. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

3. Quyết định các dự án đầu tư, dự án đầu tư ra ngoài Công ty, phương án vay vốn, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản theo phân cấp của Hội đồng quản trị. Trình Hội đồng quản trị phê duyệt các dự án, phương án vượt thẩm quyền.

4. Xây dựng đề trình Hội đồng quản trị quyết định kế hoạch tài chính dài hạn và kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch kinh doanh; các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, định mức chi phí tài chính và chi phí khác phù hợp với điều kiện kinh doanh của Công ty làm căn cứ điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

5. Xác định tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty, báo cáo Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định đối với phần lãi từ vốn do Công ty huy động.

Điều 32. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Giám đốc

1. Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn, nghĩa vụ được giao vì lợi ích của Nhà nước và của Công ty.

2. Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của Công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không đem cho, tặng tài sản của Công ty cho bất kỳ đối tượng nào.

3. Khi Công ty không thanh toán được các khoản nợ phải trả, các nghĩa vụ tài sản thì phải báo cáo Hội đồng quản trị, đồng thời thông báo cho các chủ nợ biết và tìm các giải pháp khắc phục khó khăn về tài chính của công ty; không được tăng lương, trả tiền thưởng cho người lao động, cán bộ quản lý công ty. Nếu không thực hiện các biện pháp này mà gây thiệt hại cho các chủ nợ thì phải chịu trách nhiệm cá nhân với các thiệt hại đó.

4. Trường hợp vi phạm Điều lệ công ty, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty và Nhà

nước thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty. Hội đồng quản trị quyết định mức bồi thường.

5. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật trong việc điều hành hoạt động của công ty.

6. Chịu trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản vốn huy động và các nguồn vốn khác của công ty; chịu trách nhiệm vật chất đối với những thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho công ty.

7. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua báo cáo tài chính của Công ty. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo tài chính và các thông tin tài chính khác.

8. Giám đốc bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp sau đây:

a) Báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty hai lần trở lên hoặc một lần nhưng sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của công ty;

b) Để Công ty thua lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng giữa hai năm lỗ có một năm lãi hoặc hoà vốn; trừ các trường hợp: lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ được Hội đồng quản trị phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ có lý do khách quan được giải trình và đã được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận; những năm mới hoạt động sau khi đầu tư mới, đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ mà trong báo cáo khả thi đã xác định có lỗ;

c) Công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản; Công ty thuộc diện tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu mà không tiến hành các thủ tục để tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu;

d) Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do người bổ nhiệm, tuyển dụng giao hoặc không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng;

đ) Không tổ chức xác định các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, năng suất lao động, định mức chi phí tài chính và chi phí khác để trình Hội đồng quản trị ban hành; không phổ biến đến tận đối tượng thực hiện định mức, không tổ chức thực hiện các định mức; không tổ chức phân tích, đánh giá sửa đổi, bổ sung các định mức cho phù hợp với thực tế và yêu cầu công tác quản lý.

9. Trường hợp để Công ty thua lỗ hoặc tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ năm sau giảm hơn năm trước hoặc không đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận theo quy định của hợp đồng hoặc chỉ tiêu do người bổ nhiệm giao, không đảm bảo tiền lương tối thiểu cho người lao động thì bị hạ tiền lương, không được thưởng.

10. Bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm đối với các hành vi:

a) Vi phạm chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và chế độ khác chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Quyết định các dự án đầu tư không hiệu quả, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư không đúng kế hoạch, kéo dài dẫn đến chậm thu hồi vốn, không thu hồi được vốn, không trả được nợ.

11. Hàng năm Giám đốc Công ty phải có báo cáo về kết quả điều hành hoạt động của Công ty gửi Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị .

12. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ VỐN CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Công ty có vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác

a) Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp khác;

b) Cử người đại diện để thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, thành viên góp vốn, các bên liên doanh;

c) Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác (sau đây gọi tắt là người đại diện) quyết định tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các vấn đề đãi ngộ đối với người đại diện, trừ trường hợp người đại diện đã được hưởng lương từ doanh nghiệp khác;

d) Yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp khác;

đ) Giao nhiệm vụ và chỉ đạo người đại diện bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Công ty trong doanh nghiệp khác. Yêu cầu người đại diện báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện, nhất là trong việc định hướng doanh nghiệp có cổ phần;

e) Kiểm tra, giám sát hoạt động của người đại diện, phát hiện những thiếu sót, yếu kém của người đại diện để ngăn chặn, chấn chỉnh kịp thời;

g) Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền (HĐQT hoặc ĐHĐCĐ) quyết định việc đầu tư tăng vốn hoặc thu hồi vốn của Công ty vào doanh nghiệp khác phù hợp với pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp khác;

h) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác;

- i) Giám sát việc thu hồi vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, việc thu lợi tức được chia từ doanh nghiệp khác;
- k) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp khác theo điều lệ của doanh nghiệp này.

2. Khi được uỷ quyền thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, thành viên góp vốn, các bên liên doanh phải sử dụng quyền đó một cách cẩn trọng theo đúng chỉ đạo của Hội đồng quản trị, nhất là trong trường hợp là Công ty là cổ đông, bên góp vốn chi phối.

3. Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác theo quy định của luật pháp, điều lệ doanh nghiệp. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của doanh nghiệp khác, việc thực hiện các nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.

4. Theo dõi, đôn đốc và thực hiện thu hồi vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác gồm: thu cổ tức và các khoản được chia khác từ vốn góp vào doanh nghiệp khác.

5. Người đại diện tham gia ban quản lý điều hành doanh nghiệp khác phải nghiên cứu, đề xuất phương hướng, biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp khác để trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Đối với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp đưa ra thảo luận trong Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Đại hội đồng cổ đông hay các thành viên góp vốn hay bên liên doanh như phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, huy động thêm cổ phần, vốn góp, chia cổ tức... người đại diện phải xin ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi họp và biểu quyết. Trường hợp nhiều người đại diện cùng tham gia Hội đồng quản trị, Ban giám đốc của doanh nghiệp khác thì phải cùng nhau bàn bạc và thống nhất ý kiến khi phát biểu và biểu quyết.

6. Người đại diện ở doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty phải có trách nhiệm hướng doanh nghiệp đó đi đúng mục tiêu, định hướng của Công ty. Khi phát hiện doanh nghiệp đi chệch mục tiêu, định hướng của Công ty phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và đề xuất giải pháp để khắc phục. Sau khi được Hội đồng quản trị thông qua cần tổ chức thực hiện ngay để nhanh chóng hướng doanh nghiệp đi đúng mục tiêu, định hướng đã xác định.

7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp và Hội đồng quản trị giao.

8. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các nhiệm vụ được giao. Trường hợp thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Tiền lương, thưởng và quyền lợi của người đại diện

1. Người đại diện tham gia ban quản lý, điều hành doanh nghiệp khác được hưởng lương, phụ cấp, thưởng và các quyền lợi khác theo quy định trong điều lệ doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó trả.

2. Người đại diện ở doanh nghiệp khác không được doanh nghiệp khác trả lương, phụ cấp, thưởng và các chế độ quyền lợi khác thì Công ty là người trả lương, phụ cấp, tiền thưởng và chế độ khác cho người đại diện.

Người đại diện không được cùng lúc hưởng lương, phụ cấp, tiền thưởng và chế độ khác ở cả hai nơi.

Điều 36. Tiêu chuẩn của người đại diện

Người đại diện phải là người bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam. Đối với trường hợp do Hội đồng quản trị cử thì người đại diện phải là người của Công ty.

2. Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe đảm đương nhiệm vụ

3. Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành luật pháp.

4. Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Công ty, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

5. Không là bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với những người là đại diện chủ sở hữu, người trong Hội đồng quản trị, Giám đốc doanh nghiệp có vốn góp vào doanh nghiệp mà người đó được giao trực tiếp quản lý; không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có vốn của Công ty mà người đó được cử trực tiếp quản lý.

Người đại diện tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị, Giám đốc của doanh nghiệp khác phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện tương ứng như thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty theo quy định của pháp luật ./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN 3.9
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**